

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trang;
2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

Bà H có mặt tại phiên tòa; Ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Năm 2003, bà H và ông T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới vào tháng 9 năm 2010. Đến ngày 11/7/2011, bà H và ông T đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Sau khi đăng ký kết hôn, bà H và ông T chung sống tại tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG (nhà riêng của bà

H và ông T). Thời gian đầu, bà H và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn và bà H đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân thị xã TC, nhưng sau đó ông T đến năn nỉ hàn gắn tình cảm gia đình nên bà H đã rút lại đơn khởi kiện để có thời gian hàn gắn tình cảm gia đình với ông T.

Đến năm 2018, bà H và ông T tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ông T đi làm tại thành phố HCM từ tháng 4/2018 cho đến nay, địa chỉ cụ thể bà H không biết. Từ khi đi làm ở thành phố HCM, ông T chỉ về thăm gia đình một lần vào khoảng tháng 6/2018. Thỉnh thoảng, ông T có gọi điện thoại về hỏi thăm con chung và bà H nhưng bà không nghe điện thoại, chỉ con chung nghe điện thoại của ông T. Từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay thì ông T không gọi điện thoại về cho bà H và con chung vì ông T biết bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của bà H và ông T là do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Ông T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh do ông T thiếu nợ nhiều người, nguyên nhân ông T thiếu nợ thì bà H không biết. Bà H và ông T, thường hay cãi nhau do ông T không quan tâm, chăm lo gia đình. Cuộc sống chung giữa bà H và ông T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Lâm Ngọc T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông T có 01 con chung tên Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011. Con chung hiện nay, đang sống chung với bà H tại tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Từ tháng 4/2018, ông T đi làm ở thành phố HCM khoảng 2, 3 tháng ông T có gửi 1.000.000 đồng, ông T gửi tổng cộng 05 lần, số tiền 5.000.000 đồng (qua đường bưu điện, bà H là người trực tiếp nhận) để bà H nuôi dạy con chung. Từ tháng 02/2019 cho đến nay, ông T không gọi điện thoại về hay gửi tiền để bà H nuôi con chung. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 44/TB-TLVA ngày 21/01/2019 cho ông Lâm Ngọc T thông qua người thân ông Lâm Văn Tr (cha ruột ông T) nhận thay và mẹ ruột của ông T là bà Hồ Thị Ngọc L xác nhận đã thông báo qua điện thoại cho ông T biết về việc bà Nguyễn Thị Bích H khởi đơn kiện ly hôn với ông Lâm Ngọc T tại Tòa án nhân dân thị xã TC, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của ông T đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của ông T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải về tình cảm, con chung được. Ngày 23/4/2019, Tòa án ban hành Thông báo số 265/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho ông Lâm Ngọc T được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (bà Hồ Thị Ngọc L mẹ ruột ông T nhận thay và niêm yết tại nơi cư trú của ông T) nhưng ông T không gửi văn bản ghi ý kiến của ông T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản lấy lời khai của bà Hồ Thị Ngọc L, sinh năm 1942; nơi cư trú: ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG (mẹ ruột ông T); Biên bản xác minh tình trạng cư trú và tình trạng hôn nhân, con chung giữa ông T và bà H tại ban ấp LH, xã LA, thị xã TC; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông T tại Công an xã LA, thị xã TC. Cụ thể như sau:

Bà Hồ Thị Ngọc L cho biết, bà L là mẹ ruột của Lâm Ngọc T, sinh năm 1975 và là mẹ chồng của Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Ông T đi làm ở thành phố HCM khoảng cuối năm 2018 cho đến nay, bà L không biết địa chỉ cụ thể của T ở thành phố Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng, T có gọi điện về hỏi thăm gia đình (từ cuối năm 2018, T gọi về nhà được 03 lần). Khoảng tháng 02/2019, T có gọi điện thoại về hỏi thăm gia đình và gia đình có cho T biết việc H gửi đơn yêu cầu ly hôn với T tại Tòa án (ông Lâm Văn Tr (cha ruột của T) nhận thay Thông báo thụ lý vụ án số 44/TB-TA ngày 21/01/2019 và các tài liệu chứng cứ kèm theo thông báo của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang).

T và H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Cách đây khoảng hơn 03 năm, H khởi đơn kiện ly hôn với T tại Tòa án nhân dân thị xã TC nhưng sau đó rút đơn. Năm 2019, H tiếp tục ly hôn với T ở Tòa án. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa T và H do T làm ăn thua lỗ, thiếu nợ nhiều người nên T bỏ địa phương đi làm ở thành phố HCM. Tuy nhiên, T cũng hay điện thoại về hỏi thăm con chung và H nhưng H không nghe điện thoại. T và H có 01 con chung tên Lâm Nguyễn Xuân V, sinh năm 2011. Hiện con chung đang sống với H.

Biên bản xác minh ban ấp LH, xã LA: Ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Ông T bỏ địa phương đi từ năm 2018 cho đến nay.

Năm 2015 bà H đã gửi đơn khởi kiện ly hôn với ông T nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Năm 2019, bà H tiếp tục khởi đơn yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông T và bà H ban đầu không biết. Ông T và bà H có một con chung tên Lâm Nguyễn Xuân Vinh, sinh năm 2011. Cháu Vinh hiện sống chung với bà H. Bà H hiện buôn bán quần áo may sẵn tại nhà thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dạy cháu Vinh.

Biên bản xác minh Công an xã LA: Ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19,

ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Ông T đã không ở địa phương, đi từ tháng 4/2018 cho đến nay. Đi đâu, làm gì không rõ.

Đồng thời, công bố biên bản lời khai của em Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011 (chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích H, mẹ ruột của em Vinh), em Vinh khai: Từ trước đến nay, em sống chung với mẹ và mẹ đã lo cho em ăn học. Hiện nay, em đang học lớp 2D tại trường Tiểu học bán trú A Long TH thuộc phường Long Th, thị xã TC, tỉnh AG. Hàng ngày mẹ đưa rước em đi học, cuộc sống em đã ổn định nên em có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc T theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã T theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc T theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Năm 2011, bà H và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu. Quá trình chung sống, bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và kinh tế. Năm 2015, bà H khởi kiện xin ly hôn ông T, nhưng rút đơn khởi kiện hàn gắn tình cảm. Tháng 01/2019, bà H tiếp tục khởi kiện xin ly hôn ông T do mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế nên không sống chung được, ông T đã bỏ địa phương đi năm 2018 cho đến nay. Tình cảm của bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ.

Về con chung: Cháu Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011, hiện đang sống với bà H, cháu V có nguyện vọng được sống với bà H; bà H có yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn ông Lâm Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H được nuôi dạy cháu Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011. Ông Lâm Ngọc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Ngọc T. Ông T có nơi cư trú: tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lâm Ngọc T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2003, bà H và ông T tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân. Năm 2010, tổ chức lễ cưới; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG ngày 11/7/2011, số đăng ký kết hôn 79/HT, quyền số 01/2011, không vi phạm điều kiện cấm kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân.

Bà H khai, sau khi kết hôn bà H và ông T chung sống H phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn và bà H đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân thị xã TC, nhưng sau đó ông T đến năn nỉ hàn gắn tình cảm gia đình nên bà H đã rút lại đơn khởi kiện để có thời gian hàn gắn tình cảm gia đình với ông T. Đến năm 2018, bà H và ông T tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ông T đi làm tại thành phố HCM từ tháng 4/2018 cho đến nay, địa chỉ cụ thể bà H không biết. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của bà H và ông T do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Bà H và ông T, thường hay cãi nhau do ông T không quan tâm, chăm lo gia đình. Từ khi đi làm ở thành phố HCM, ông T chỉ về thăm gia đình một lần vào khoảng tháng 6/2018. Thỉnh thoảng ông T có gọi điện thoại về hỏi thăm con chung. Từ khoảng tháng 02/2019 cho đến nay,

ông T không gọi điện thoại cho bà H và con chung vì ông T biết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án. Cuộc sống chung giữa bà H và ông T không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Lâm Ngọc T.

Biên bản ghi lời khai ngày 03/4/2019, bà Hồ Thị Ngọc L (mẹ ruột ông T) khai thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân của T và H như bà H trình bày. Cách đây, khoảng hơn 03 năm, H khởi đơn kiện ly hôn với T tại Tòa án nhân dân thị xã TC nhưng sau đó rút đơn lại. Đến năm 2019, H tiếp tục ly hôn với T ở Tòa án. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa T và H do T làm ăn thua lỗ, thiếu nợ nhiều người nên T bỏ địa phương đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, T cũng hay điện thoại về hỏi thăm con chung và H nhưng H không nghe điện thoại chỉ có con của T nghe điện thoại. T đã đi làm ăn, không có ở địa phương.

Theo biên bản xác minh ban áp LH, xã LA: Ông T và bà H là vợ chồng. Năm 2015, bà H đã gửi đơn khởi kiện ly hôn với ông T nhưng sau đó rút đơn khởi kiện lại. Đến năm 2019, bà H tiếp tục khởi đơn yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông T và bà H ban khóm không biết.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng H phúc. Cuộc sống vợ chồng của ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và bà H đã khởi đơn kiện yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án nhưng bà H đã rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm gia đình với ông T. Do mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế nên ông T bỏ đi làm ở thành phố HCM từ khoảng tháng 4 năm 2018 cho đến nay, ông T không cho bà H và gia đình biết địa chỉ nơi làm việc của ông T. Thời gian sống xa nhau từ tháng 4/2018, ông T chỉ liên lạc qua điện thoại để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H nhưng bà H không đồng ý hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho ông T và bà H hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng ông T đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy ông T chưa thật sự hàn gắn tình cảm với bà H.

Tình trạng vợ chồng bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận H phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho bà H. Xét, cho bà H ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo lời khai bà H, biên bản xác minh ban áp LH và biên bản ghi lời khai bà L (mẹ ruột ông T) khai thống nhất, ông T và bà H có 01 (một) con chung tên Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011. Hiện nay, con chung của ông T và bà H đang sống chung với bà H, tại tổ 19, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

Bà H yêu cầu được nuôi dạy con chung Xuân V, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo biên bản xác minh ban áp LH, bà H hiện buôn tại nhà thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dạy cháu Xuân V.

Biên bản lời khai cháu V, có nguyện vọng tiếp tục sống chung mẹ H. Vì từ trước đến nay, cháu Vinh sống chung với mẹ và mẹ đã lo cho cháu ăn học. Hiện nay, cháu đang học lớp 2D tại trường Tiểu học bán trú A Long Th thuộc phường Long Th, thị xã TC, tỉnh AG hàng ngày mẹ đưa rước cháu đi học, cuộc sống cháu đã ổn định nên cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ.

Bà H yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Xuân V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp đủ. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H.

Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Lâm Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79/HT, quyền số 01/2011, ngày 11/7/2011 do Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG cấp cho bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lâm Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lâm Nguyễn Xuân V, sinh ngày 22/9/2011. Ông Lâm Ngọc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Bích H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0001614 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí.

Ông Lâm Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lâm Ngọc T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết